TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN MƯỜNG ẢNG
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2024/HS-ST
Ngày: 16-12-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG ẢNG, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Hoàng Văn Phong

Các hội thẩm nhân dân:

Bà Mai Thị Trường

Ông Vừ A Sinh

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Hồng Hạnh - Thư ký Toà án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng tỉnh Điện Biên tham gia phiên tòa:

Ông Ngô Hoài Ngân - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 23/2024/TLST-HS ngày 21/11/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 21/2024/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 12 năm 2024 đối với bị cáo:

Lò Văn T; Sinh ngày 01/10/1986; Tại huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên; Nơi đăng ký thường trú: Bản N, xã NC, huyện MA tỉnh Điện Biên; Nơi sinh sống: Bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên; Nghề nghiệp: Nông nghiệp; Trình độ học vấn: 02/12; Dân tộc: Thái; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lò Văn T1 và bà Tòng Thị K; Bị cáo có vợ là Bạc Thị Hương và có 03 người con, con lớn nhất sinh năm 2004, con nhỏ nhất sinh năm 2013; Tiền sự: Không; Tiền án: Không; Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 19/9/2024 đến nay, có mặt.

Nguyên đơn dân sự: UBND xã Ngối Cáy, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên - đại diện hợp pháp là ông Lò Văn Ơ, phó chủ tịch UNND xã Ngối Cáy, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên, có mặt. (theo văn bản uỷ quyền ngày 12/12/2024 của Chủ tịch UBND xã Ngối Cáy).

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

- Nhóm nhận khoán bảo vệ rừng bản Ngối, xã Ngối Cáy: Người đại diện: Ông Lò Văn Xu, sinh năm 1991 – Trưởng bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Anh Đồng Văn Th, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Chị Lò Thị Dư, sinh năm 1989. Nơi cư trú: Bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Chị Tòng Thị Lư, sinh năm 1983. Nơi cư trú: Bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Chị Lò Thị Th, sinh năm 1978. Nơi cư trú: Bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Chị Bạc Thị Ng, sinh năm 1988. Nơi cư trú: Bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Chị Lò Thị M, sinh năm 1973. Nơi cư trú: Bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Chị Lò Thị O, sinh năm 1992. Nơi cư trú: Bản XB, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

- Anh Lò Văn Ẩ, sinh năm 1988, trú tại bản XB, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Để có đất làm nương sắn và trồng lúa nước cho gia đình, Lò Văn T đã nhờ Đồng Văn Th, sinh năm 1988, thường trú tại bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên cùng mang theo dao phát, rìu và cưa máy lên khu rừng sản xuất tại tiểu khu 631A, khoảnh 1, lô 4.2 thuộc địa phận bản N, xã NC, huyện MA chặt phá trong thời gian 02 ngày 13, 14/02/2024 thì chặt phá được toàn bộ cây gỗ và thực vật thường trên diện tích rừng 2.930m^2. Thấy Lò Văn T chặt phá diện tích rừng thì lần lượt 06 người gồm Lò Thị Dư, sinh năm 1989, Tòng Thị Lư, sinh năm 1983, Lò Thị Th, sinh năm 1978, Bạc Thị Ng, sinh năm 1988, Lò Thị M, sinh năm 1973 cùng trú tại bản Ngối, xã Ngối Cáy và Lò Thị O, sinh năm 1992, trú tại bản Xuân Ban, xã Ngối Cáy đến xin Lò Văn T cho chặt phá diện tích rừng sản xuất giáp ranh với diện tích rừng mà Lò Văn T đã chặt phá để trồng sắn thì được Lò Văn T đồng ý với điều kiện là những người này chỉ được trồng 01 đến 02 vụ sắn thì trả lại đất cho Lò Văn T để Lò Văn T cải tạo đất trồng lúa nước.

Sau khi được Lò Văn T đồng ý thì những người này đã dùng dao, cưa tay chặt phá toàn bộ cây gỗ và thực vật thường trên diện tích rừng gồm Lò Thị Dư 900 m^2, Lò Thị M 1.480 m^2, Tòng Thị Lư 530 m^2, Bạc Thị Ng 590 m^2, Lò Thị Th 680 m^2 và Lò Thị O 680 m^2. Tổng diện tích rừng sản xuất tại tiểu khu 631A, khoảnh 1, lô 4.2 thuộc địa phận bản N, xã NC, huyện MA được giao cho gia đình Lò Văn T quản lý và bảo vệ do Lò Văn T chặt phá và cho 06 người khác chặt phá là 7.790 m^2, với trữ lượng gỗ bị chặt phá còn lại sau khi bị đốt là 11,735 m^3, tổng trị giá thiệt hại là 32.036.550 đồng. Ngày 14/6/2024 UBND xã Ngối Cáy phối hợp với Hạt kiểm lâm huyện Mường Ảng thực hiện kế hoạch kiểm tra rừng tại tiểu khu 631A, khoảnh 1, lô 4.2 thuộc địa phận bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên thì phát hiện diện tích rừng đã bị chặt phá.

Tại biên bản khám nghiệm hiện trường ngày 19/6/2024 xác định vụ hủy hoại rừng xảy ra tại tiểu khu 631A khoảnh 1 lô 4.2 thuộc bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên. Tổng diện tích hủy hoại rừng là 7.790 m^2 *(Bảy nghìn bảy trăm chín mươi mét vuông).* Mức độ thiệt hại 100% có trữ lượng gỗ được đo còn lại tại vị trí hủy hoại rừng là: 11,735 m^3, xác định trạng thái rừng TXK rừng nghèo kiệt *(là rừng tự nhiên, lá rộng thường xanh).* Đây là khu rừng được giao cho UBND xã Ngối Cáy quản lý, bảo vệ. Năm 2024 UBND xã Ngối Cáy ký hợp đồng khoán bảo vệ rừng cho Nhóm nhận khoán bảo vệ rừng bản Ngối, đại diện là ông Lò Văn Xu, trưởng nhóm, đồng thời diện tích rừng bị phá này cũng đã được đo đạc để giao cho gia đình Lò Văn T quản lý, bảo vệ để được hưởng chi trả tiền bảo vệ rừng.

Kết luận giám định số: 58/KL-GĐ ngày 02 tháng 8 năm 2024 của giám định viên tư pháp, Chi cục Kiểm lâm thuộc Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên kết luận vụ Hủy hoại rừng xảy ra vào tháng 02 năm 2024 tại tiểu khu 631A khoảnh 1 lô 4.2 khu vực rừng quản lý UBND xã Ngối Cáy thuộc bản Ngối xã Ngối Cáy, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên: *Là rừng, rừng tự nhiên, rừng sản xuất.*

Kết luận định giá tài sản số 18/KL-ĐGTS ngày 28/6/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Mường Ảng. Tổng thiệt hại phải bồi thường đối với rừng tự nhiên tại tiểu khu 631A khoảnh 1 lô 4.2 thuộc bản N, xã NC, huyện MA, tỉnh Điện Biên là 32.036.550đ (*Ba mươi hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi đồng).*

* Quá trình điều tra đã tạm giữ các đồ vật sau:

- 01 (một) con dao dựa dài 41 cm, có lưỡi dao bằng kim loại dài 25 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 3,5 cm, có cán dao bằng gỗ dài 16 cm đường kính 3 cm;

- 01 cái rìu dài 79 cm, có lưỡi rìu bằng kim loại dài 28 cm, bản rộng nhất của Lưỡi rìu 5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 3,5 cm, có cán rìu bằng gỗ dài 79 cm đường kính cán gỗ 4 cm;

- 01 (một) Cưa máy xích có chiều dài 102 cm, có Lưỡi cưa bằng kim loại chiều dài 63 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 8 cm, bản hẹp nhất của lưỡi cưa 6 cm. Máy của cưa có chiều dài 39 cm, chiều rộng của máy cưa 20 cm, màu sơn xanh, cưa máy có nhãn hiệu KATSU 5900. (*Con dao, cái rìu, cưa máy là công cụ Lò Văn T dùng để phá rừng*);

- 01 (một) con dao chặt dài 45,5 cm, có Lưỡi dao bằng kim loại dài 31 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 5,5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 3 cm, có cán dao bằng gỗ dài 14,5 cm đường kính 3 cm của Bạc Thị Ng;

- 01 (một) con dao chặt dài 44 cm, có Lưỡi dao bằng kim loại dài 29 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 6,5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 3 cm, có cán dao bằng gỗ dài 15 cm đường kính 3 cm của Tòng Thị Lư ;

- 01 (một) con dao chặt dài 47 cm, có Lưỡi dao bằng kim loại dài 31 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 5,5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 2,8 cm, có cán dao bằng gỗ dài 16 cm đường kính cán dao 3 cm của Lò Thị O;

- 01 cái cưa tay chiều dài 52 cm, có lưỡi cưa bằng kim loại dài 34 cm, bản rộng nhất của lưỡi cưa 4 cm, bản hẹp nhất của lưỡi cưa 2 cm, có cán cưa bằng nhựa dài 20cm chiều rộng 3cm chiều dày 2cm của Lò Thị O;

- 01 (một) con dao dựa dài 45,4 cm, có lưỡi dao bằng kim loại dài 30,4 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 6,5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 3 cm, có cán dao bằng gỗ dài 15 cm đường kính 3 cm của Lò Thị M;

- 01 cái cưa tay chiều dài 64 cm, chiều rộng 21 cm, có lưỡi cưa bằng kim loại dài 50 cm, bản rộng nhất của lưỡi cưa 2 cm, bản hẹp nhất của lưỡi cưa 1,9 cm, có khung đỡ bằng sắt dài 50 cm, đường kính 2 cm, 01 dây sắt đỡ dài 58 cm, đường kính dây 2mm của Lò Thị M;

- 01 (một) con dao dựa dài 42 cm, có lưỡi dao bằng kim loại dài 27,5 cm, bản rộng nhất của lưỡi dao 5,5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 2,5 cm, có cán dao bằng gỗ đường kính 3,5 cm của Lò Thị Th.

- 01 (một) con dao quắm dài 105 cm, có Lưỡi dao bằng kim loại dài 35 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 4 cm, có cán dao bằng gỗ dài 70 cm đường kính 3 cm của Lò Thị Dư.

Ngày 10/11/2024 Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Mường Ảng đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại 01 cưa máy xích có chiều dài 102 cm, có lưỡi cưa bằng kim loại chiều dài 63 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 8 cm, bản hẹp nhất của lưỡi cưa 6 cm. Máy của cưa có chiều dài 39 cm, chiều rộng của máy cưa 20 cm, màu sơn xanh, cưa máy có nhãn hiệu KATSU 5900 cho anh Lò Văn Ả.

Ngày 07/11/2024 Lò Văn T đã uỷ quyền cho vợ là Bạc Thị Hương nộp toàn bộ số tiền thiệt hại về rừng là 32.036.550 đồng cho cơ quan Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng để khắc phục hậu quả (theo biên lai thu tiền số 0000514 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng).

Cáo trạng số: 111/CT-VKS-MA ngày 20 tháng 11 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đã truy tố Lò Văn T để xét xử về tội: Hủy hoại rừng theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố tại phiên tòa, giữ nguyên quan điểm truy tố, đồng thời đề nghị HĐXX áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 BLHS, đề nghị xử phạt bị cáo Lò Văn T từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm cải tạo không giam giữ; Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo và không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo khoản 4 Điều 243 BLHS đối với bị cáo; Về trách nhiệm dân sự, căn cứ vào Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước; Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, đề nghị tịch thu tịch thu tiêu hủy 01 chiếc rìu, 02 cưa tay, 03 dao dựa, 03 dao chặt, 01 dao quắm, đối với 11,735m^3 gỗ còn lại tại hiện trường sau khi bị đốt, đề nghị tiếp tục giao cho UBND xã Ngối Cáy quản lý tại chỗ để tự phân huỷ, tái tạo rừng. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, đề nghị miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo Lò Văn T thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên, nhất trí với luận tội của Đại diện Viện kiểm sát và không có ý kiến tranh luận gì, bị cáo chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước.

Đại diện hợp pháp của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Nhóm bảo vệ rừng bản Ngối) anh Lò Văn Xu vắng mặt tại phiên toà, lời khai trong hồ sơ anh trình bày như sau: Anh đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan anh Lò Văn Ả vắng mặt tại phiên toà, lời khai trong hồ sơ anh trình bày như sau: Lò Văn T có mượn của anh chiếc cưa máy, nói là đi chặt củi, anh không biết Lò Văn T dùng cưa đi phá rừng. Hiện nay anh đã được cơ quan Điều tra trả lại chiếc cưa này, anh không có đề nghị gì thêm.

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đồng Văn Th, Lò Thị Dư, Tòng Thị Lư, Lò Thị Th, Bạc Thị Ng, Lò Thị M, Lò Thị O vắng mặt tại phiên toà, lời khai trong hồ sơ đã trình bày về việc phá rừng như tóm tắt ở trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về sự vắng mặt của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên toà những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt không có lý do. Xét thấy họ vắng mặt nhưng đã có đầy đủ lời khai trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt những người này.

[2] Xét hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Tại phiên tòa bị cáo khai trong 02 ngày 13, 14/02/2024 bị cáo đã cùng với Đồng Văn Th dùng cưa máy xích cầm tay, rìu và dao phát chặt phá 2.900m^2 diện tích rừng sản xuất tại tiểu khu 631A, khoảnh 1, lô 4.2 thuộc địa phận bản N, xã NC, huyện MA được giao cho gia đình Lò Văn T quản lý và bảo vệ. Ngoài ra Lò Văn T còn cho 06 người khác chặt phá thêm 4.890m^2 diện tích rừng tại khu vực này. Tổng diện tích rừng Lò Văn T chặt phá và cho người khác chặt phá là 7.790 m^2, trữ lượng gỗ bị cắt phá còn lại sau khi bị đốt là 11,735m^3, trị giá thiệt hại 32.036.550 đồng. Mục đích Lò Văn T phá rừng và cho người khác phá rừng để lấy đất làm nương trồng sắn, sau đó chuyển sang trồng lúa nước cho gia đình. Lời khai nhận của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các chứng cứ, tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án. Vì vậy có đủ cơ sở kết luận: Lò Văn T đã thực hiện hành vi phá trái phép rừng sản xuất với diện tích là 7.790 m^2, gây thiệt hại về rừng là 32.036.550 đồng.

Bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý. Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây thiệt hại về môi trường sinh thái, ảnh hưởng xấu đến công tác quản lý và bảo vệ rừng trên địa bàn huyện Mường Ảng. Vì vậy hành vi của bị cáo đã phạm vào tội "Hủy hoại rừng", tội và hình phạt được quy định tại điểm b khoản 1 Điều 243 BLHS. Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thì thấy: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng sâu, vùng xa, nhận thức và hiểu biết pháp luật còn hạn chế, chưa có tiền án, tiền sự. Trong quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải và tự nguyện bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng là 32.036.550 đồng cho Nhà nước để khắc phục hậu quả, bị cáo có ông nội Lò Văn Ạch là người có công với Nước, được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng nhì năm 1999. Đó là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt đối với bị cáo:

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng đề nghị xử phạt bị cáo từ 02 năm 06 tháng đến 03 năm cải tạo không giam giữ. Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo là người có nhân thân tốt, có hoàn cảnh khó khăn, phạm tội vì mục đích mưu sinh, có hai tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo

khoản 1 Điều 51 BLHS và không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng. Do đó không cần phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội cũng đủ để cải tạo, giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung. Đề nghị xử phạt bị cáo của Đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo nên cần chấp nhận.

Theo khoản 3 Điều 36 BLHS người bị kết án bị khấu trừ một phần thu nhập từ 05% đến 20% để sung quỹ nhà nước. Tuy nhiên xét thấy bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, không có thu nhập ổn định (theo biên bản xác minh tài sản thu nhập ngày 17/10/2024 tại bút lục số 838D) nên cần miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Xét hoàn cảnh kinh tế gia đình của bị cáo còn nhiều khó khăn, không có tài sản gì có giá trị (theo biên bản xác minh tài sản thu nhập ngày 17/10/2024 tại bút lục số 838D). Do đó Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung theo khoản 4 điều 243 BLHS đối với bị cáo.

[5] Đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Đồng Văn Th, Lò Thị Dư, Tòng Thị Lư, Lò Thị Th, Bạc Thị Ng, Lò Thị M, Lò Thị O. Những người này thực hiện hành vi phá rừng một cách độc lập, không liên quan đến nhau, diện tích phá rừng của mỗi người không đủ để truy cứu trách nhiệm hình sự nên Công an huyện Mường Ảng đã ra quyết định xử phạt hành chính là đúng quy định của pháp luật.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã gây thiệt hại về rừng thuộc sở hữu Nhà nước, do đó căn cứ vào Điều 48 BLHS, Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật dân sự, bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng cho Nhà nước.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 chiếc rìu, 02 cưa tay, 03 dao dựa, 03 dao chặt, 01 dao quắm là công cụ phạm tội, đã hết giá trị sử dụng nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106 BLTTHS, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 cưa máy xích có chiều dài 102 cm, có lưỡi cưa bằng kim loại chiều dài 63 cm. Quá trình điều tra đã làm rõ chiếc cưa này thuộc sở hữu của anh Lò Văn Ấ, anh Ấn không biết mục đích Lò Văn T mượn cưa để phá rừng, Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử lý vật chứng bằng hình thức trả lại cho anh Ấn là có căn cứ, đúng quy định tại khoản 2 Điều 47 BLHS, điểm b khoản 3 Điều 106 BLTTHS.

Đối với 11,735m^3 gỗ còn lại tại hiện trường sau khi bị đốt, số gỗ này bị cháy ám muội, đã hư hỏng, mục nát không còn giá trị (theo biên bản xác định tình trạng vật chứng ngày 06/11/2024 tại bút lục số 838) nên tiếp tục giao cho UBND xã Ngối Cáy quản lý tại chỗ để tự phân huỷ, tái tạo lại môi trường.

[8] Về án phí: Xét thấy bị cáo là đồng bào dân tộc thiểu số, thường trú ở xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn và đã có đơn đề nghị miễn án phí. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị

quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, cần miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

[9] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Mường Ảng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Ảng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 243 Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Lò Văn T phạm tội "Hủy hoại rừng".

2. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 243, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 36 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lò Văn T 02 (*hai*) năm 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ. Được trừ 89 ngày tạm giam (từ ngày 19/9/2024 đến ngày 16/12/2024), quy đổi thành 08 tháng 27 ngày cải tạo không giam giữ. Bị cáo còn phải chấp hành 01 (*một*) năm 09 (*chín*) tháng 03 (*ba)* ngày cải tạo không giam giữ. Thời điểm bắt đầu chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp huyện nhận được quyết định thi hành án.

Giao bị cáo Lò Văn T cho Ủy ban nhân dân xã Ngối Cáy, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên nơi bị cáo cư trú để giám sát và giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Lò Văn T.

Người bị kết án cải tạo không giam giữ còn phải thực hiện những nghĩa vụ quy định tại Luật thi hành án hình sự.

Áp dụng khoản 3 Điều 328 Bộ luật Tố tụng hình sự: Trả tự do ngay tại phiên tòa cho bị cáo Lò Văn T bị xử phạt bằng hình phạt không phải là hình phạt tù nếu bị cáo không phạm tội khác.

4. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 584, 585, 586, 589 Bộ luật Dân sự.

Buộc bị cáo Lò Văn T phải bồi thường toàn bộ thiệt hại về rừng với số tiền là 32.036.550 (*ba mươi hai triệu không trăm ba mươi sáu nghìn năm trăm năm mươi đồng*) để nộp ngân sách Nhà nước (bị cáo đã nộp đủ toàn bộ số tiền

trên theo biên lai thu tiền số 0000514 ngày 07/11/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng).

5. Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình Sự; Điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Tịch thu, tiêu hủy số vật chứng sau: 01 (một) con dao dựa dài 41 cm, có lưỡi dao bằng kim loại dài 25 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 3,5 cm, có cán dao bằng gỗ dài 16 cm đường kính 3 cm; 01 cái rìu dài 79 cm, có lưỡi rìu bằng kim loại dài 28 cm, bản rộng nhất của Lưỡi rìu 5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 3,5 cm, có cán rìu bằng gỗ dài 79 cm đường kính cán gỗ 4 cm; 01 (một) con dao chặt dài 45,5 cm, có Lưỡi dao bằng kim loại dài 31 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 5,5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 3 cm, có cán dao bằng gỗ dài 14,5 cm đường kính 3 cm; 01 (một) con dao chặt dài 44 cm, có Lưỡi dao bằng kim loại dài 29 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 6,5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 3 cm, có cán dao bằng gỗ dài 15 cm đường kính 3 cm của; 01 (một) con dao chặt dài 47 cm, có Lưỡi dao bằng kim loại dài 31 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 5,5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 2,8 cm, có cán dao bằng gỗ dài 16 cm đường kính cán dao 3 cm của; 01 cái cưa tay chiều dài 52 cm, có lưỡi cưa bằng kim loại dài 34 cm, bản rộng nhất của lưỡi cưa 4 cm, bản hẹp nhất của lưỡi cưa 2 cm, có cán cưa bằng nhựa dài 20cm chiều rộng 3cm chiều dày 2cm của; 01 (một) con dao dựa dài 45,4 cm, có lưỡi dao bằng kim loại dài 30,4 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 6,5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 3 cm, có cán dao bằng gỗ dài 15 cm đường kính 3 cm của; 01 cái cưa tay chiều dài 64 cm, chiều rộng 21 cm, có lưỡi cưa bằng kim loại dài 50 cm, bản rộng nhất của lưỡi cưa 2 cm, bản hẹp nhất của lưỡi cưa 1,9 cm, có khung đỡ bằng sắt dài 50 cm, đường kính 2 cm, 01 dây sắt đỡ dài 58 cm, đường kính dây 2mm của; 01 (một) con dao dựa dài 42 cm, có lưỡi dao bằng kim loại dài 27,5 cm, bản rộng nhất của lưỡi dao 5,5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 2,5 cm, có cán dao bằng gỗ đường kính 3,5 cm; 01 (một) con dao quắm dài 105 cm, có Lưỡi dao bằng kim loại dài 35 cm, bản rộng nhất của Lưỡi dao 5 cm, bản hẹp nhất của lưỡi dao 4 cm, có cán dao bằng gỗ dài 70 cm đường kính 3 cm của.

Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/11/2024 giữa Công an huyện Mường Ảng và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Ảng.

Tiếp tục giao 11,735m^3 gỗ còn lại tại hiện trường sau khi bị đốt cho UBND xã Ngối Cáy, huyện Mường Ảng, tỉnh Điện Biên quản lý tại chỗ để tự phân huỷ, tái tạo lại môi trường.

6. Về án phí: Áp dụng Điều 135, khoản 2 Điều 136 BLTTHS, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 của UBTVQH quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Miễn toàn bộ tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo.

7. Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, 332, 333 Bộ luật Tố tụng Hình Sự: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên

án (16/12/2024); Đại diện hợp pháp của nguyên đơn dân sự có quyền kháng cáo bản án về phần bồi thường thiệt hại trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (16/12/2024); Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Phòng KTNV-THA (TA tỉnh);
- VKSND huyện Mường Ảng;
- VKSND tỉnh Điện Biên;
- Cơ quan ĐT Công an huyện Mường Ảng;
- Cơ quan THAHS Công an huyện Mường Ảng;
- Bộ phận hồ sơ nghiệp vụ CA.H Mường Ảng;
- Nhà tạm giữ CA.H Mường Ảng;
- Bị cáo; ĐDHP của nguyên đơn dân sự;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- UBND xã Ngối Cáy;
- THADS huyện Mường Ảng;
- Phòng Hành chính Sở Tư pháp;
- Lưu HS, HSTHA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Hoàng Văn Phong